

Tuần 17

Ngày soạn:

UNIT 9

LESSON: GETTING STARTED- LISTEN AND READ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- + Vocabulary relating to First- aids
- + Grammar: In order to/ so as to; Future Simple; Modal Will

2. Kỹ năng:

HS rèn được kỹ năng Nghe, Nói

3. Thái độ (phẩm chất):

Hình thành thói quen tích cực học tập, có lòng nhân ái, giúp đỡ mọi người.

II. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- + Vocabulary relating to First- aids
- + Grammar: In order to/ so as to; Future Simple; Modal Will

III. BÀI GHI

*** Vocabulary:**

- nose bleed / nəʊz - bli:d/(n): chảy máu mũi
- bee sting (n): vết ong đốt
- emergency /i'mɜ:dʒənsi/(n): cấp cứu, tình trạng khẩn cấp
- ambulance /'æmbjələns/(n): xe cứu thương
- calm down: bình tĩnh
- fall off (v): ngã xuống
- alcohol /'ælkəhɒl/(n): rượu
- hit /hɪt/(v): đụng, đánh
- conscious /'kɒnʃəs/(a): tỉnh táo
- bleed /bli:d/(v): chảy máu
- handkerchief /'hæŋkətʃɪf/(n): khăn tay
- wound /wu:nd/(n): vết thương
- lane /leɪn/(n): đường nhỏ, ngõ, hẻm
- first aid (n): sơ cứu
- fall asleep (v): ngủ

- awake /ə'weɪk/(a): thức
- inform /ɪn'fɔ:m/(v): thông báo
- condition /kən'dɪʃn/(n): điều kiện
- injured /'ɪndʒəd/(a): bị thương

*** Practice:**

1. Practice the dialogue with a partner.

2. Select the topics covered in the dialogue.

(Em hãy chọn ra những vấn đề được đề cập đến trong hội thoại.)

- a) describing the condition of the injured person
- b) asking for the address
- c) asking about the condition of the injured person
- d) asking for advice
- e) giving first-aid instructions
- f) arranging for an ambulance
- g) saying the injured person's name

Lời giải chi tiết:

Hướng dẫn giải:

- a) describing the condition of the injured person
- b) asking for the address
- c) asking about the condition of the injured person
- d) asking for advice
- e) giving first-aid instructions

Tuần 17

Ngày soạn:

UNIT 9

LESSON: GETTING STARTED- LISTEN AND READ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- + Vocabulary relating to First- aids
- + Grammar: In order to/ so as to; Future Simple; Modal Will

2. Kỹ năng:

HS rèn được kỹ năng Nghe, Nói

3. Thái độ (phẩm chất):

Hình thành thói quen tích cực học tập, có lòng nhân ái, giúp đỡ mọi người.

II. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- + Vocabulary relating to First- aids
- + Grammar: In order to/ so as to; Future Simple; Modal Will

III. BÀI GHI

*** Vocabulary:**

- minimize /'mɪnɪmaɪz/(v): giảm đến mức tối thiểu
- conscious /'kɒnʃəs/(a): tỉnh táo
- tissue /'tɪʃuː/(n): mô
- tap /tæp/(n): vòi nước
- handkerchief /'hæŋkətʃɪf/(n): khăn tay
- pack /pæk/(n): túi
- wound /wuːnd/(n): vết thương
- sterile /'steraɪl/(a): vô trùng
- tight /taɪt/(a): chặt , chật
- ease /iːz/(v): làm giảm, xoa dịu
- anxiety /æŋ'zaɪəti/(n): mối lo lắng
- injured /'ɪndʒəd/(a): bị thương
- burn /bɜːn/ (n): chỗ bỏng, vết bỏng
- injection /ɪn'dʒekʃn/(n): mũi tiêm
- stretcher /'stretʃə(r)/(n): cái cáng
- crutch /krʌtʃ/(n): cái nạng

- wheelchair /'wi:lʃeə(r)/(n): xe lăn
- scale /skeɪl/(n): cái cân
- eye chart (n): bảng đo thị lực
- faint /feɪnt/(a): ngất (xiu)
- elevate /'elɪveɪt/(v): nâng lên

Hướng dẫn dịch:

Trường hợp	Sơ cứu
Ngất xỉu	<ul style="list-style-type: none"> - Để bệnh nhân nằm thẳng. - Không cho bệnh nhân ngồi hoặc đứng. - Cho nằm đầu thấp hoặc nâng chân của bệnh nhân cao hơn so với mặt phẳng của tim. - Không để nạn nhân lạnh. - Khi nạn nhân tỉnh lại thì cho uống một tách trà.
Sốc	<ul style="list-style-type: none"> - Không làm bệnh nhân quá nóng với chăn và áo choàng ngoài. - Không cho bệnh nhân ăn hoặc uống bất cứ thứ gì. - Không cho bệnh nhân uống thuốc hoặc rượu.
Bỏng	<ul style="list-style-type: none"> - Lập tức làm lạnh vết bỏng để hạn chế tối đa tổn thương mô. - Cho vùi nước lạnh chảy trên vùng bị tổn thương (nếu có thể). - Giảm đau với túi chườm đá hoặc nước mát. - Dùng gạc vô trùng dày băng vết thương lại.

Choose a correct case for each of the following treatments.

(Hãy chọn trường hợp cấp cứu đúng cho mỗi cách điều trị sau đây.)

a) The victim should not sit or stand.

=> **A (Fainting)**

b) Victim cannot drink wine or beer.

=> **B (Shock)**

c) The victim's head should be below the level of the heart.

=> **A (Fainting)**

d) You should ease the pain with ice or cold water packs.

=> **C (Burns)**

e) The victim should drink a cup of tea when reviving.

=> **B (Fainting)**

